

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2018/HS-ST

Ngày: 10-10-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tứ Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huê và bà Võ Thị Thanh Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Huyền Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 27/2018/TLST-HS ngày 14/9/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2018/QĐXXST-HS ngày 20/9/2018 đối với bị cáo:

Lê T, tên gọi khác: Đen; sinh ngày 18/4/1985 tại A, Gia Lai; nơi cư trú: Tổ 2, phường B, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê M và bà NLC2; vợ là Đặng O; tiền án: Ngày 01/02/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xử phạt 27 tháng tù về các tội cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản, ngày 13/11/2017 chấp hành xong hình phạt; tiền sự: Không; về nhân thân: Ngày 10/5/2013, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị xã A áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh về hành vi nhiều lần sử dụng trái phép chất ma túy; bị tạm giữ ngày 20/5/2018 đến ngày 29/5/2018 chuyển tạm giam cho đến nay; có mặt.

- Bị hại:

1. Nguyễn N, sinh năm 1967; địa chỉ: Tổ 7, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

2. Trương L, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ 7, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

- Người làm chứng:

1.NLC1;

2. NLC2;

3. NLC3 ;

4. NLC4;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê T là đối tượng đang có tiền án về tội cướp giật tài sản và tội trộm cắp tài sản. Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 20/5/2018, T điều khiển xe mô tô biển số 81F1-057.07 đi ngang qua nhà chị Nguyễn N ở đường C thuộc Tổ 7, phường A1, thị xã A. Thấy nhà chị N mở cửa, nên T đi vào phòng khách mục đích để trộm cắp tài sản, thì phát hiện hai chiếc điện thoại di động, một chiếc nhãn hiệu SONY XPERIA màu đen số seri: 353257063477011 (Sony D2305 Xperia M2), một chiếc nhãn hiệu NOKIA 105 màu đen, số seri 74811 để trên bàn. T lấy hai chiếc điện thoại di động này bỏ vào túi quần rồi lái xe chạy ra Quốc lộ 19 hướng về huyện Đ. Lúc này, anh Trương L nhìn thấy T đi ra từ nhà chị N rồi lên xe bỏ đi, nghi ngờ T trộm cắp tài sản nên đuổi theo, trên đường đi, anh L gọi điện báo cáo Công an thị xã A biết. Khi T đến tiệm cắt tóc của anh NLC3 ở thôn U, xã I, huyện Đ và lấy điện thoại ra xem thì bị Công an thị xã A bắt giữ.

Quá trình điều tra xác định, ngoài hành vi trộm cắp tài sản nói trên Lê T còn thực hiện vụ trộm cắp tài sản khác, cụ thể:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 14/5/2018, Lê T điều khiển xe mô tô biển số 81F1-057.07 dạo trên các tuyến đường thuộc địa bàn thị xã A để xem ai sơ hở trong việc quản lý tài sản thì trộm cắp. Khi đi ngang qua nhà anh Trương L ở đường H thuộc Tổ 7, phường A1 thì phát hiện nhà mở cửa nhưng không có người trong nhà. T dừng xe rồi đi vào phòng khách thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 NE09 màu vàng để trên bàn nên T lấy điện thoại bỏ vào túi quần rồi lên xe chạy về hướng Ngã năm Bùng bình phường A1. Trên đường đi, T tháo sim trong điện thoại ném ở đồi Chong Chóng rồi chạy đến quán Cà phê Góc Phố thuộc Tổ 2, phường A1, mở điện thoại ra kiểm tra. Tại đây, T đã bán chiếc điện thoại này với giá 800.000đ cho một nam thanh niên không rõ địa chỉ, lai lịch. Số tiền có được từ việc bán điện thoại T đã tiêu xài cá nhân hết.

Tại Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xác định:

- Giá trị chiếc điện thoại di động hiệu SONY XPERIA màu đen số seri 353257063477011 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 1.497.000đ (một triệu bốn trăm chín mươi bảy nghìn đồng).

- Giá trị tại chiếc điện thoại hiệu NOKIA 105 màu đen, số seri 74811 tại thời điểm bị chiếm đoạt là 180.000đ (Một trăm tám mươi ngàn đồng).

Tổng giá trị của hai chiếc điện thoại nói trên tại thời điểm bị chiếm đoạt là 1.677.000đ (Một triệu sáu trăm bảy mươi bảy ngàn đồng).

- Giá trị chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A37 NE09 màu vàng tại thời điểm bị chiếm đoạt là: 2.952.000đ (Hai triệu chín trăm năm mươi hai ngàn đồng).

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã tạm giữ một số đồ vật, tài sản gồm: 01 chiếc xe mô tô biển số 81F1-057.07; 01 chiếc điện thoại di động hiệu SONY XPERIA màu đen số seri 353257063477011; 01 chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA 105 màu đen, số seri 74811.

Ngày 12/6/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã trả cho chị Nguyễn N 01 chiếc điện thoại di động hiệu SONY XPERIA màu đen số seri 353257063477011 và 01 chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA 105 màu đen, số seri 74811.

Đối với xe mô tô biển số 81F1-057.07 là của bà NLC2 mẹ đẻ của bị cáo Lê T. Việc bị cáo dùng chiếc xe này làm phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản bà NLC2 không biết nên ngày 22/6/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã trả lại chiếc xe mô tô nói trên cho bà NLC2.

Đối với 02 chiếc sim điện thoại (số 0935.776.544 và số 01214.550.763) gắn trong 02 chiếc điện thoại di động của bà Nguyễn N, bị cáo không xác định được vớt ở đâu, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A không có cơ sở để truy tìm.

Đối với chiếc sim điện thoại số 0905.271.154 gắn trong chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 NE09 của anh Trương L, quá trình thực nghiệm điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã tổ chức truy tìm nhưng không có kết quả.

Tại Bản cáo trạng số: 20^A/CTr-VKS ngày 12/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã A đã truy tố bị cáo Lê T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê T phạm tội “Trộm cắp tài sản”; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo từ 12 đến 16 tháng tù.

Lời khai của chị Nguyễn N có tại hồ sơ thể hiện: Vào ngày 20/5/2018 chị bị mất 02 chiếc điện thoại di động gồm: 01 chiếc điện thoại hiệu SONY XPERIA màu đen số seri 353257063477011 và 01 chiếc điện thoại hiệu NOKIA 105 màu đen, số seri 74811. Quá trình điều tra đã xác định được Lê T là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã thu hồi và trả lại 02 chiếc điện thoại nói trên cho chị. Chị N không có yêu cầu về dân sự. Tại đơn xin

xét xử vắng mặt chị N yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Lời khai của anh Trương L có tại hồ sơ thể hiện: Vào ngày 14/5/2018, anh có mất 01 điện thoại di động hiệu OPPO A37 NE09 màu vàng. Quá trình điều tra đã xác định được Lê T là người thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bị cáo Lê T đã tác động gia đình bồi thường cho anh số tiền 3.000.000đ nên anh không có yêu cầu gì thêm về phần dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thị xã A, Viện kiểm sát nhân dân thị xã A, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai của bị hại, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án, do đó đã có đủ cơ sở xác định: Bị cáo Lê T là đối tượng đang có tiền án về tội cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản. Vào ngày 20/5/2018 tại Tổ 7, phường A1, thị xã A, tỉnh Gia Lai lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã lén lút chiếm đoạt của chị Nguyễn N 01 chiếc điện thoại di động hiệu SONY XPERIA màu đen số seri 353257063477011 và 01 chiếc điện thoại di động hiệu NOKIA 105 màu đen, số seri 74811. Trị giá hai chiếc điện thoại di động nói trên là 1.677.000đ. Quá trình điều tra còn xác định vào ngày 14/5/2018 bị cáo đã lén lút chiếm đoạt của anh Trương L 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A37 NE09 màu vàng, trị giá 2.952.000đ. Vì vậy, đã đủ cơ sở tuyên bố bị cáo Lê T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại về dân sự cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Mặc dù giá trị tài sản bị cáo Lê T trộm cắp ngày 20/5/2018 dưới 2.000.000 đồng nhưng bị cáo đang có tiền án về tội cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản nên được tính một lần phạm tội. Do đó, trong vụ án này bị cáo hai lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên phải chịu tình

tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[5] Về nhân thân: Bị cáo Lê T là người có nhân thân xấu. Ngày 10/5/2013 bị Chủ tịch UBND thị xã A, tỉnh Gia Lai áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh 24 tháng về hành vi nhiều lần sử dụng trái phép chất ma túy. Ngày 01/02/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xử phạt 27 tháng tù về các tội cướp giật tài sản và trộm cắp tài sản.

[6] Về hình phạt: Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục và răn đe.

[7] Về dân sự: Chị Nguyễn N và anh Trương L là bị hại trong vụ án đều không có yêu cầu về dân sự nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã A đã xử lý theo thẩm quyền nên Hội đồng xét xử không đề cập.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 260; khoản 1 Điều 268; khoản 1 Điều 292; khoản 1 Điều 299 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Lê T phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Lê T 06 (Sáu) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (Ngày 20 tháng 5 năm 2018).

Về án phí: Buộc bị cáo Lê T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án (10/10/2018), bị cáo có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thị xã A;
- Công an thị xã A;
- Chi cục THADS thị xã A;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Tứ Hải

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huệ Võ Thị Thanh Hương

Bùi Tứ Hải

